

Số: /KH-UBND

Tam Đường, ngày tháng năm 2023

KẾ HOẠCH

Thực hiện Đề án Phát triển sản xuất nông nghiệp các xã đặc biệt khó khăn năm 2023 trên địa bàn huyện Tam Đường

Căn cứ Nghị quyết số 39/2019/NQ-HĐND, ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu về “Thông qua Đề án phát triển sản xuất nông nghiệp các xã đặc biệt khó khăn và xã biên giới tỉnh Lai Châu, giai đoạn 2020 -2025;

Căn cứ Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 08/01/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt Đề án phát triển sản xuất nông nghiệp các xã đặc biệt khó khăn và xã biên giới tỉnh Lai Châu, giai đoạn 2020 -2025;

Căn cứ Kế hoạch số 880/KH-UBND ngày 17/8/2020 của UBND huyện Tam Đường về thực hiện Đề án phát triển sản xuất nông nghiệp các xã đặc biệt khó khăn giai đoạn 2020 -2025 trên địa bàn huyện Tam Đường;

UBND huyện xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển sản xuất nông nghiệp các xã đặc biệt khó khăn năm 2023 với nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nhằm cụ thể hóa chi tiết Đề án của tỉnh, Kế hoạch của huyện về thực hiện Đề án phát triển sản xuất nông nghiệp các xã đặc biệt khó khăn giai đoạn 2020-2025; khai thác hiệu quả, hợp lý tiềm năng lợi thế để phát triển sản xuất nông nghiệp các xã đặc biệt khó khăn, nâng cao trình độ sản xuất của người dân. Tập trung nâng cao năng suất, chất lượng nông sản, tăng thu nhập cho người nông dân góp phần đẩy nhanh giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống của người dân.

2. Yêu cầu

Kế hoạch phải chi tiết, cụ thể, bám sát mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp các xã đặc biệt khó khăn giai đoạn 2020-2025 và đảm bảo tính khoa học, tính khả thi, mang lại hiệu quả thiết thực; quá trình thực hiện nhiệm vụ có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, các cơ quan chuyên môn, chính quyền địa phương và người dân.

II. NỘI DUNG

1. Mục tiêu

(1) Đảm bảo an ninh lương thực. Tổng diện tích gieo trồng cây lương thực 5.193 ha; sản lượng lương thực có hạt đạt 24.243 tấn; bình quân lương thực đầu người đạt 715,7 kg/người/năm.

(2) Tập trung phát triển vùng chè chất lượng cao, trồng chè mới 70 ha, nâng tổng diện tích đạt trên 1.686,2 ha. Phát triển trồng mới 5 ha chè cổ thụ.

(3) Tổng diện tích cây ăn quả 449,5 ha, trong đó: Trồng mới 14 ha chanh leo; diện tích kinh doanh 372,5 ha; sản lượng đạt 2.992 tấn.

(4) Duy trì bảo vệ, chăm sóc tốt 845,7 ha cây thảo quả, sản lượng đạt 211 tấn.

(5) Tốc độ tăng trưởng đàn gia súc đạt 6,1%/năm; tổng đàn gia súc 18.827 con; tổng đàn gia cầm 85.810 con.

(6) Diện tích nuôi trồng thủy sản 64,5 ha; sản lượng 189 tấn; thể tích nuôi cá nước lạnh 1.400 m³, sản lượng 10 tấn.

(7) Tỷ lệ che phủ rừng 49,11%.

(8) Bình quân tiêu chí của 8 xã đạt 17,3 tiêu chí/xã.

2. Nhiệm vụ

2.1. Về trồng trọt

- *Cây lúa*: Đảm bảo an ninh lương thực tại 08 xã đặc biệt khó khăn. Tổng diện tích 2.870 ha; năng suất bình quân đạt 52,75 tạ/ha, sản lượng 15.085 tấn. Phát triển lúa hàng hóa tập trung 160 ha, sản lượng đạt 864 tấn.

- *Cây ngô*: Tổng diện tích 2.323,7 ha; năng suất 39,4 tạ/ha, sản lượng 9.158,5 tấn, trong đó: ngô đông xuân 156 ha, sản lượng 593,8 tấn; ngô xuân hè 1.407,7 ha, sản lượng 5.873,7 tấn; ngô thu đông 760 ha, sản lượng 2.684,95 tấn.

- *Cây chè*: Tập trung chỉ đạo trồng mới 70 ha (Khun Há 20 ha; Bản Bo 01 ha; Nà Tăm 19 ha, Thèn Sin 10 ha, Nùng Nàng 20 ha) chè chất lượng cao, nâng tổng diện tích đạt 1.686,2 ha, trong đó chè kinh doanh 1.169,6 ha, năng suất 90,5 tạ/ha; sản lượng đạt 10.582 tấn. Trồng mới 5 ha chè cổ thụ tại 2 xã: Tả Lèng 4 ha, Khun Há 1 ha, nâng tổng diện tích chè cổ thụ lên 90,7 ha.

- *Cây ăn quả*: Tập trung bảo vệ, đầu tư chăm sóc, thâm canh diện tích cây ăn quả hiện có, hướng dẫn kỹ thuật chăm sóc, phát huy hiệu quả vườn cây, tạo ra sản phẩm hàng hóa có mẫu mã và chất lượng. Chuyển đổi một số diện tích đất trồng lúa, ngô kém hiệu quả sang trồng cây ăn quả theo hướng tập trung phù hợp với từng tiểu vùng khí hậu và nhu cầu thị trường tổng 14 ha chanh leo, trong đó: Nùng Nàng 5 ha, Tả Lèng 2 ha, Khun Há 7 ha.

- *Cây trồng khác*: Lạc diện tích 150 ha, sản lượng 210 tấn. Đậu tương 30 ha, sản lượng 44 tấn. Dong riềng 33 ha, sản lượng 1.980 tấn. Mía 9,5 ha, sản lượng 475 tấn. Rau, củ, quả các loại 109 ha, sản lượng 327 tấn. Cây Thảo quả 845,7 ha, sản lượng 211 tấn.

2.2. Về chăn nuôi, thủy sản

Thực hiện đồng bộ các giải pháp kỹ thuật và quản lý phát triển chăn nuôi, khai thác sử dụng có hiệu quả các mô hình hợp tác xã liên kết chăn nuôi. Khuyến

khích chăn nuôi theo hướng bán công nghiệp, gắn với trồng cỏ, chuyển từ mục tiêu chăn nuôi lấy sức kéo sang mục tiêu sản xuất thực phẩm hàng hóa; phát triển chăn nuôi gia cầm theo quy mô gia trại, hộ gia đình, phù hợp với tiềm năng, lợi thế của từng vùng. Áp dụng các biện pháp thâm canh diện tích ao hiện có, đưa giống có chất lượng cao, thời gian sinh trưởng ngắn phù hợp điều kiện của từng vùng. Thu hút các doanh nghiệp, các tổ chức cá nhân vào đầu tư xây dựng cơ sở chăn nuôi tập trung, phát triển nuôi cá nước lạnh. Tốc độ tăng trưởng đàn gia súc đạt 6,1%/năm.

2.3. Về lâm nghiệp

Bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có; thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao tỷ lệ che phủ rừng, tập trung bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng hiện có; đầu tư trồng 77 ha rừng với loài cây lấy gỗ lớn; thực hiện tốt chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và đời sống của người dân; tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng, ngăn chặn kịp thời tình trạng phá rừng; tổ chức tốt việc khai thác, chế biến lâm sản theo quy hoạch. Tổng diện tích rừng hiện có 20.306 ha; tỷ lệ che phủ rừng đạt 49,11%.

2.4. Về xây dựng nông thôn mới

Tiếp tục triển khai đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại các xã đặc biệt khó khăn. Duy trì các xã đạt chuẩn NTM; bình quân tiêu chí của 8 xã đạt 17,3 tiêu chí/xã.

2.5. Chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật

Tiếp tục xây dựng, thực hiện các mô hình ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nhằm nâng cao trình độ sản xuất cho người dân. Tổ chức thực hiện các mô hình khuyến nông tập trung vào các sản phẩm chủ lực và sản phẩm có thế mạnh từng vùng nhằm nhân rộng mô hình và chuyển giao khoa học kỹ thuật sản xuất cho người nông dân, thúc đẩy sản xuất phát triển.

3. Giải pháp thực hiện

Tiếp tục tổ chức quán triệt, tuyên truyền đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân về phát triển nông nghiệp các xã đặc biệt khó khăn nhằm tạo sự đồng thuận cao trong thực hiện; tập trung tuyên truyền các nội dung về xây dựng nông thôn mới, tái cơ cấu nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, phát triển các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực có lợi thế của huyện; thay đổi nhận thức về sản xuất nông nghiệp hàng hóa.

Thực hiện tốt các chính sách về đất đai, kế hoạch sử dụng đất tại địa phương, chuyển đổi diện tích đất canh tác kém hiệu quả sang phát triển cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế, tạo sản phẩm hàng hóa. Khuyến khích nông dân hợp tác đầu tư cùng doanh nghiệp; chuyển nhượng, tích tụ ruộng đất để tạo vùng sản xuất tập trung có quy mô lớn.

Lồng ghép các chương trình mở các lớp tập huấn chuyển giao khoa học công nghệ; đưa các giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản có năng suất, chất lượng,

hiệu quả kinh tế cao vào sản xuất, phù hợp với nhu cầu của thị trường, phù hợp với từng vùng sinh thái. Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ cho người dân các loại giống cây trồng vật nuôi đảm bảo chất lượng, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, sạch bệnh cho năng suất chất lượng cao. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong sơ chế, bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản, chú trọng cây ăn quả, cây dược liệu.

Tiếp tục đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, hiệu quả theo hướng liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị. Đẩy mạnh các hình thức liên kết theo chuỗi giá trị gia tăng từ cung cấp đầu vào tổ chức sản xuất - chế biến - tiêu thụ giữa doanh nghiệp với nông dân và tổ chức đại diện của nông dân; khuyến khích các hộ cá thể liên kết thành tổ hợp tác, HTX đủ năng lực cạnh tranh.

Tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế đầu tư sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, vật nuôi, vật tư nông nghiệp trên địa bàn huyện. Khuyến khích phát triển dịch vụ chuyển giao KHKT nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp các xã đặc biệt khó khăn; tăng cường tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại để thúc đẩy sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản; tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại và liên doanh, liên kết giữa nhà máy chế biến với vùng nguyên liệu.

Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt các chính sách hiện có trong phát triển sản xuất nông nghiệp; huy động và tập trung nguồn lực cho các nhiệm vụ trọng tâm; thực hiện hiệu quả lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình, chính sách về nông nghiệp, nông thôn; tranh thủ huy động các nguồn vốn của tổ chức, cá nhân để đầu tư phát triển sản xuất, xây dựng, bảo dưỡng công trình kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn theo phương châm “Nhà nước và Nhân dân cùng làm”.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan, UBND các xã đặc biệt khó khăn triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch này; tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện định kỳ báo cáo UBND huyện và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Tham mưu bố trí các nguồn vốn triển khai thực hiện các mục tiêu, nội dung nhiệm vụ phát triển sản xuất nông nghiệp các xã đặc biệt khó khăn; bố trí đủ nguồn lực theo phân bổ của Trung ương, Tỉnh và khả năng cân đối của ngân sách huyện.

3. Phòng Kinh tế và Hạ tầng

Nghiên cứu áp dụng các chính sách, phân tích tìm hiểu các thị trường tiêu thụ, thúc đẩy xuất khẩu hàng nông sản; hỗ trợ quảng bá sản phẩm hàng hóa; khuyến khích, hỗ trợ phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản gắn với sản xuất công nghiệp và thị trường tiêu thụ.

4. Phòng Tài nguyên và Môi trường

Hướng dẫn các đơn vị, tổ chức, cá nhân thực hiện các trình tự, thủ tục, chính sách có liên quan đến lĩnh vực đất đai trong sử dụng đất nông nghiệp, nông thôn và bảo vệ tài nguyên môi trường, đa dạng sinh học theo hướng thuận lợi cho nông nghiệp, nông thôn phát triển bền vững.

5. Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT chi nhánh huyện Tam Đường; Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện

Triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước đối với nông nghiệp đã ban hành; tạo điều kiện cho người dân lập hồ sơ, thủ tục vay vốn để người dân có điều kiện đầu tư phát triển sản xuất.

6. Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện

Chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu cho UBND huyện quản lý, tổ chức triển khai thực hiện trồng rừng cây gỗ lớn và đề án bảo tồn và phát triển vùng chè cổ thụ theo quy định.

7. Các cơ quan, ban, ngành huyện

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân hưởng ứng và tham gia thực hiện các nội dung của kế hoạch.

8. UBND các xã đặc biệt khó khăn

Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, quán triệt và tích cực triển khai thực hiện các mục tiêu, nội dung kế hoạch; các chủ trương, chính sách của Trung ương, của tỉnh về phát triển sản xuất nông nghiệp các xã đặc biệt khó khăn.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Đề án Phát triển sản xuất nông nghiệp các xã đặc biệt khó khăn năm 2023 của UBND huyện Tam Đường./.

Nơi nhận:

- Sở NN&PTNT tỉnh;
- TT. Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- UBND các xã: Nùng Nàng, Thèn Sin, Tả Lèng, Giang Ma, Bản Bo, Nà Tăm, Khun Há, Bản Hon;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phong Vĩnh Cường